

Bản án số: 59/2022/KDTM-ST

Ngày: 24-8- 2022

*V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lý

2. Bà Lê Thị Chí

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thảo Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Đinh Hương Liên – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2021/TLST-KDTM ngày 30/11/2021 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2022/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 236/2022/QĐST-KDTM ngày 05/8/2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Công ty TNHH Thực phẩm P; địa chỉ: Số R Khu phố H, phường B, Thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Tường Vi L, sinh năm X; địa chỉ: Số W đường H, phường P, Quận Y, Thành phố H. (Văn bản ủy quyền lập ngày 01/4/2022) (Có mặt)

*2. Bị đơn:* Công ty TNHH TM và Dịch vụ Xuất nhập khẩu K; địa chỉ: Số I Đường số Z, Phường Q, quận G, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Bà Mã Thị Bạch M; địa chỉ: Số X đường P, Phường M, quận B, Thành phố H (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/5/2021 Công ty TNHH Thực phẩm P (gọi tắt là Công ty P) ký hợp đồng mua đường cát trắng với Công ty TNHH TM và Dịch vụ Xuất nhập khẩu K (gọi tắt là Công ty K) với số lượng 30.000 kg, giá 15.300đ/kg. Tổng giá trị hợp đồng là 459.000.000 đồng. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Công ty P đặt cọc 30% giá trị đơn hàng thì Công ty K phải giao hàng cho Công ty P theo địa điểm Công ty thông báo.

Ngày 31/5/2021 Công ty P đã chuyển cho Công ty K số tiền đặt cọc là 60.000.000 đồng. Ngày 01/6/2021 Công ty P tiếp tục chuyển cho Công ty K số tiền 77.720.900 đồng. Tổng cộng Công ty P đã đặt cọc cho Công ty K số tiền 137.720.900 đồng tương đương với 30% giá trị đơn hàng.

Tuy nhiên sau khi nhận đủ số tiền đặt cọc Công ty K không giao hàng cho Công ty P như đã thỏa thuận. Công ty P đã nhiều lần liên hệ, thông báo yêu cầu giao hàng nhưng không có kết quả.

Nay Công ty P khởi kiện yêu cầu Công ty K phải hoàn lại số tiền đặt cọc là 137.720.900 đồng và số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 12% giá trị hợp đồng tương đương 55.080.00 đồng. Tổng cộng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 192.852.900 đồng. Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu gì khác.

\* **Bị đơn:** Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xuất nhập khẩu K do bà Mã Thị Bạch M là đại diện theo pháp luật mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty K không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của Công ty K trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Công ty K phải hoàn lại số tiền đặt cọc là 137.700.000 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm tương đương số tiền 11.016.000 đồng. Tổng cộng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 148.716.000 đồng.

Việc yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn là Công ty TNHH Thực phẩm P (sau đây gọi tắt là Công ty P) khởi kiện yêu cầu bị đơn là Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xuất nhập khẩu K (sau đây gọi tắt là Công ty K) hoàn trả lại số tiền đã đặt cọc mua hàng là 137.700.000 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm tương đương 11.016.000 đồng, đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh, có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có trụ sở tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là Công ty K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng Công ty K đã vắng mặt đến lần thứ hai.

Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Bị đơn là Công ty K đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án nên Công ty K đã tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Công ty K phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xét xét, giải quyết vắng mặt Công ty K theo Khoản 4 Điều 91 và điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu của các đương sự:

[3.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải hoàn trả lại số tiền đã đặt cọc mua hàng là 137.700.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng mua bán ký ngày 31/5/2021 giữa bên bán là Công ty K với bên mua là Công ty P có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 398 và Điều 401 Bộ luật dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực thực hiện đối với các bên liên quan. Theo đó, nội dung hợp đồng thể hiện Công ty P ký hợp đồng mua đường cát trắng với Công ty K với số lượng 30.000 kg, giá 15.300đ/kg. Tổng giá trị hợp đồng là 459.000.000 đồng. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Công ty P đặt cọc 30% giá trị đơn hàng thì Công ty K phải giao hàng cho Công ty P theo địa điểm thông báo và sau khi giao hàng đầy đủ chứng từ sẽ thanh toán 70% giá trị hợp đồng còn lại. Xét thỏa thuận các các bên là phù hợp với quy định tại các Điều 24, 34, 35, 37 Luật Thương mại nên hợp đồng có hiệu lực, phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Căn cứ Chứng từ giao dịch do nguyên đơn cung cấp thể hiện ngày 31/5/2021 nguyên đơn đã chuyển khoản cho bị đơn số tiền 60.000.000 đồng và ngày 01/6/2021 đã chuyển khoản cho bị đơn số tiền 77.700.000 đồng với nội dung: “ P thanh toan tien tra truoc hang dat theo hop dong ngay 31.5.2021 cho Cong ty K”.

Theo thỏa thuận tại khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng mua bán quy định về điều kiện giao hàng như sau: “ Thời hạn giao hàng: 10 ngày sau khi Bên mua tiến hành đặt cọc 30% giá trị đơn hàng”. Như vậy nguyên đơn đã chuyển

tiền đặt cọc tương đương 30% giá trị đơn hàng nhưng bị đơn không giao hàng đúng theo thỏa thuận tại khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng mà hai bên đã giao kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty hoàn trả số tiền đặt cọc mua hàng là 137.700.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Xét yêu cầu bị đơn thanh toán phạt vi phạm hợp đồng của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo thỏa thuận tại Điều 6 của Hợp đồng quy định: “ Bên nào vi phạm nghĩa vụ của mình được nêu trong hợp đồng thì bị phạt 12% giá trị hợp đồng”

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng là 8% giá trị hợp đồng là  $459.000.000 \text{ đồng} \times 8\% = 36.720.000 \text{ đồng}$ . Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng là 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, cụ thể là:  $137.700.000 \text{ đồng} \times 8\% = 11.016.000 \text{ đồng}$ , Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Điều 301 Luật Thương mại năm 2005 có quy định về mức phạt vi phạm như sau: “Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm...”. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 11.016.000 đồng.

[4]. Đối với yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 07/2022/QĐ-BPKCTT ngày 19-5-2022 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên ghi nhận.

[5]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của Công ty P được chấp

nhận nên Công ty K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 7.435.000 đồng.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Công ty P là 6.886.045 đồng theo biên lai thu số 0047245 ngày 30/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ nêu trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 351, 352, 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 24, 34, 35, 37 và Điều 301 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH TM & DV Xuất nhập khẩu K phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Thực phẩm P số tiền 137.700.000đ (Một trăm ba mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 11.016.000đ (Mười một triệu không trăm mười sáu nghìn đồng). Tổng cộng là 148.716.000đ (Một trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm mười sáu nghìn đồng). Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 07/2022/QĐ-BPKCTT ngày 19-5-2022 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước.

3. Về án phí: Công ty TNHH TM & DV Xuất nhập khẩu K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 7.435.000đ (Bảy triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Công ty TNHH Thực phẩm P là 6.886.045đ (Sáu triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn không trăm bốn mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0047245 ngày 30/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Công ty TNHH Thực phẩm P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH TM & DV Xuất nhập khẩu K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Huệ**